

BIỂU PHÍ

Thẻ ghi nợ quốc tế dành cho KHDN & KH SME

Hạng mục phí	Đơn vị	Mức phí
1. Phí phát hành thẻ lần đầu		
Phát hành thường	Thẻ	Miễn phí
Phát hành nhanh (1)	Thẻ	100.000 VNĐ
2. Phí phát hành lại		
Phát hành thường	Thẻ	100.000 VNĐ
Phát hành nhanh (1)	Thẻ	200.000 VNĐ
3. Phí cấp lại PIN	Lần	20.000 VNĐ
4. Phí thưởng niên	Thẻ	100.000 VNĐ
5. Phí rút tiền		
5.1 Tại ATM, ĐUTM của ABBANK	Lần	1.000 VNĐ
5.2 Tại ATM, ĐUTM khác	Lần	2%* số tiền (TT = 30.000 VNĐ)
6. Phí văn tin, in sao kê		
6.1 Tại ATM của ABBANK	Lần	500 VNĐ
6.2 Tại ATM khác	Lần	800 VNĐ ⁽²⁾
7. Phí chuyển đổi ngoại tệ	Giao dịch	2,5% * số tiền giao dịch
8. Phí tra soát khiếu nại (trường hợp khiếu nại sai)	Lần	100.000 VNĐ
9. Phí thông báo thẻ bị mất cắp/thất lạc và khóa tạm thời (mở khóa thẻ không thu phí)	Lần	100.000 VNĐ
10. Phí tắt toán thẻ	Thẻ	Miễn phí
11. Phí thay đổi hạn mức sử dụng	Lần	60.000 đồng
12. Phí dịch vụ khác (3)	Lần	60.000 đồng

Ghi chú

- Biểu phí chưa bao gồm VAT, áp dụng cho cả thẻ chính và thẻ phụ; ngoại trừ mục 7 là mức phí đã bao gồm VAT.
- Phí được ghi nợ trực tiếp vào tài khoản thanh toán thẻ của Khách hàng hoặc thu bằng tiền mặt tại quầy.
- (1): Địa bàn áp dụng dịch vụ phát hành nhanh tại khu vực Miền Bắc, TP. Đà Nẵng & TPHCM.
- (2): Mức phí do ABBANK thu khách hàng chưa bao gồm phí do Ngân hàng cung cấp dịch vụ nơi khách hàng thực hiện giao dịch
- (3): Phí dịch vụ khác là các dịch vụ Ngân hàng hỗ trợ theo từng yêu cầu cụ thể của khách hàng ngoài trừ các mục phí từ 1 đến 11 đã được nêu tại Biểu phí trên.



Mọi thông tin chi tiết về chương trình xin vui lòng liên hệ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG | **08.38 365 365**
1800 1159

Email: cardsupport@abbank.vn - Website: www.abbank.vn
Hoặc các điểm giao dịch gần nhất của ABBANK trên toàn quốc.

BIỂU PHÍ

Thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN & KH SME

Ngân hàng/ Loại phí	Đơn vị	Mức phí
1. Phí phát hành thẻ (1)		
a. Phát hành lần đầu, do hết hạn	Thẻ	Miễn phí
b. Phát hành do hỏng, mất, nâng hạng	Thẻ	Miễn phí
2. Phí phát hành nhanh (2)	Thẻ	Miễn phí
3. Phí duy trì thẻ (thu theo năm) (1)		
a. Thẻ chính	Thẻ/Năm	600.000 VNĐ
b. Thẻ phụ	Thẻ/Năm	500.000 VNĐ
4. Phí cấp lại PIN	Lần	30.000 VNĐ
5. Phí rút tiền		
Tại ATM, ĐUTM của ABBANK	Lần	4% số tiền giao dịch, TT 50.000 VNĐ
Tại ATM, ĐUTM khác	Lần	
6. Phí văn tin, in sao kê		
a. Tại ATM của ABBANK	Lần	500 VNĐ
b. Tại ATM khác	Lần	10.000 VNĐ
7. Phí chuyển đổi ngoại tệ	Giao dịch	2,5% số tiền giao dịch
8. Phí tra soát khiếu nại (trường hợp khiếu nại sai)	Giao dịch	Tối thiểu 130.000 VNĐ
9. Phí thông báo thẻ bị mất cắp/thất lạc và khóa tạm thời (mở khóa thẻ không thu phí)	Lần	300.000 VNĐ
10. Phí dịch vụ SMS	Tháng	33.000 VNĐ
11. Phí thanh toán hóa đơn tự động	Hóa đơn	Miễn phí
12. Phí thay đổi hạn mức tín dụng (1)	Lần	100.000 VNĐ
13. Phí thay đổi tài sản đảm bảo (1)	Lần	100.000 VNĐ
14. Phí sử dụng vượt hạn mức (1)	Lần	100.000 VNĐ
15. Phí chậm thanh toán (1)	Kỳ	4% số tiền thanh toán tối thiểu chưa thanh toán, TT 100.000 VNĐ
16. Phí dịch vụ khác (4)	Lần	100.000 VNĐ
17. Phí tắt toán thẻ	Thẻ	Miễn phí
18. Lãi suất (%/năm)		21%/năm

Ghi chú

- Mức phí trên đã bao gồm VAT (10%), ngoại trừ các mục (1) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT;
- Phí được thu bằng cách ghi nợ vào Tài khoản thẻ tín dụng của chủ thẻ chính dựa trên (các) yêu cầu bằng văn bản xuất phát từ chủ thẻ chính;
- Biểu phí trên có thể thay đổi theo quy định của ABBANK trong từng thời kỳ và được đăng tải trên website www.abbank.vn;
- (2): Địa bàn áp dụng dịch vụ phát hành nhanh tại khu vực Miền bắc, TP. Đà Nẵng & TP. HCM
- (3): Mức phí do ABBANK thu khách hàng chưa bao gồm phí do ngân hàng cung cấp dịch vụ nơi khách hàng thực hiện giao dịch;
- (4): Phí dịch vụ khác là các dịch vụ Ngân hàng hỗ trợ theo từng yêu cầu cụ thể của khách hàng ngoài trừ các dịch vụ đã được nêu tại Biểu phí trên.